TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN T THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 516/2018/QĐST-HNGĐ	*Hà Nội, ngày 27 tháng 11 năm 2018.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;
Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 592/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2018 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ông Vũ Xuân N, sinh năm 1984

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Số 8 ngách 102/55 H, phường K, quận T, thành phố Hà Nội

Bà Lưu Thị Ngọc A, sinh năm 1985

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 8 ngách 102/55 H, phường K, quận T, thành phố Hà Nội

Nơi cư trú: Số 39D, ngõ 44 phố T, phường D, quận C, thành phố Hà Nội

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

(1). Ngày 19.9.2018, ông Vũ Xuân N và bà Lưu Thị Ngọc A có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân quận T giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nội dung yêu cầu cụ thể như sau:

+ Về hôn nhân:

Ông Vũ Xuân N và bà Lưu Thị Ngọc A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 24.3.2015 tại UBND phường K, quận T, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, hai bên xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

+ **Về con chung;** Ông Vũ Xuân N và bà Lưu Thị Ngọc A có 01 con chung là: Vũ Xuân Dương (nam) sinh ngày 11.02.2016.

Ông Vũ Xuân N và bà Lưu Thị Ngọc A thống nhất thỏa thuận giao con chung là: Vũ Xuân Dương (nam) sinh ngày 11.02.2016 cho bà Lưu Thị Ngọc A trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng cho Vũ Xuân N cho đến khi bà Lưu Thị Ngọc A có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác.

+ **Về tài sản chung, vay nợ chung và riêng:** Ông Vũ Xuân N và bà Lưu Thị Ngọc A tự thỏa thuận không yêu cầu tòa giải quyết.

+ **Về lệ phí:** Ông Vũ Xuân N và bà Lưu Thị Ngọc A tự chịu lệ phí ly hôn theo quy định.

(2). Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 19 tháng 11 năm 2018, các bên đương sự đã thống nhất được toàn bộ nội dung yêu cầu Tòa án giải quyết.

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 11 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Vũ Xuân N và bà Lưu Thị Ngọc A thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Vũ Xuân N và bà Lưu Thị Ngọc A có 01 con chung là: Vũ Xuân Dương (nam) sinh ngày 11.02.2016..

Giao con chung là: Vũ Xuân Dương (nam) sinh ngày 11.02.2016 cho bà Lưu Thị Ngọc A trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng cho Vũ Xuân N cho đến khi bà Lưu Thị Ngọc A có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác.

Ông Vũ Xuân N có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không bên nào được cản trở.

- Về tài sản chung: Ông Vũ Xuân N và bà Lưu Thị Ngọc A tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Ông Vũ Xuân N và bà Lưu Thị Ngọc A không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Vũ Xuân N và bà Lưu Thị Ngọc A mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 150.000 đồng đã nộp tại biên lai số 0005446 và biên lai số 0005445 ngày 12.11.2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận T;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

PHƯƠNG THẢO

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 40-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ghi họ tên, địa chỉ của đương sự. Tuỳ theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên.

(3) Ghi họ tên của đương sự ly hôn.

(4) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành (kể cả án phí).